

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hợp

Ông Đinh Xuân Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố 1, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Ngô Anh T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 28-9-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-02-2011. Chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã, xúc phạm và đánh chửi nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do hai bên có sự khác biệt về lối sống và suy nghĩ. Ngoài ra, anh T còn ham chơi, không chịu

làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ, con nhưng lại thường xuyên lấy lý do, nghi ngờ chị sống không chung thủy. Mặt khác, trong cuộc sống, giữa mẹ chồng, nàng dâu cũng xảy ra nhiều chuyện, không hòa thuận với nhau. Chị và anh T đã có một thời gian sống ly thân nhưng vì con cái chị lại quay về chung sống cùng anh T. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa chị và anh T vẫn không giải quyết được và ngày càng nhiều hơn. Đến khoảng tháng 4-2019, chị đã chuyển ra ngoài ở và sống ly thân với anh T từ đó đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Ngô Văn L, sinh ngày 23-9-2011. Chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Ngô Anh T vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được xác định: Khoảng 03 năm trở lại đây, giữa chị P và anh T thường xảy ra mâu thuẫn; đến đầu năm 2019, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ kinh tế gia đình, chị P và anh T không có sự đồng thuận trong công việc, phát triển kinh tế gia đình; có sự hiểu lầm, nghi ngờ tình cảm của nhau dẫn đến cãi vã, xô xát. Mặc dù gia đình hai bên, tổ dân phố đã phân tích, động viên chị P và anh T để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ tháng 4-2019 đến nay, chị P và anh T sống ly thân, cháu L ở với chị P được chăm sóc chu đáo, học tập ổn định. Chị P hiện làm công nhân tại khu công nghiệp Đồ Sơn, thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng. Cháu L có nguyện vọng ở cùng chị P sau khi chị P và anh T ly hôn.

Do chị P đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Anh T vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn năm 2011, đến đầu năm 2018, do có sự khác biệt về lối sống, suy nghĩ nên anh, chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng, cãi vã và xúc phạm nhau. Từ tháng 04-2019 đến nay, chị P và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã trầm trọng, không thể đoàn tụ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T;

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị P có 01 con chung là cháu Ngô Văn L, sinh ngày 23-9-2011. Cháu L hiện đang sống cùng chị P, cuộc sống ổn định và có nguyện vọng được ở với chị P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Ngô Anh T, cư trú tại: Tổ dân phố Đông Kiến Thiết, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị P và bị đơn là anh T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh T.

Về hôn nhân:

[3] Chị P và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 25-02-2011. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Nhiều năm nay, trong cuộc sống vợ chồng, giữa chị P và anh T không có sự chia sẻ và đồng thuận về công việc, về cách phát triển kinh tế; thiếu niềm tin vào nhau, nghi ngờ tình cảm của nhau. Do đó, khoảng 3 năm trở lại đây, chị P và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên đã tác động, hòa giải, tổ dân phố cũng đã gặp gỡ chị P để phân tích, động viên nhưng mâu thuẫn giữa chị P và anh T ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 4-2019 đến nay, chị P và anh T sống ly thân, không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau, mỗi lần gặp nhau thì lại xảy ra cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhận được giấy triệu tập, thông báo hòa giải của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Cho thấy, anh T không có thiện chí cứu vãn quan hệ hôn nhân. Xét thấy, chị P và anh T đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là Ngô Văn L, sinh ngày 23-9-2011. Xét thấy, trong thời gian chị P và anh T sống ly thân, cháu L ở với chị P được chăm sóc chu đáo; chị P có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con; cháu L có nguyện vọng được ở với chị P; việc giao cháu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị P, giao cháu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị P và anh T không có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị P được ly hôn anh Ngô Anh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Ngô Văn L, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2011 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Hoặc cho đến khi chị P và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0007143 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị P và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân Nhuận Trần Văn Hợp

Vũ Trọng Đạt